

Người Tìm Tự Do và Tượng Thần Tự Do

Nguyễn Văn Luận



Tôi đến New York năm 1986, vào dịp kỷ niệm 100 năm tượng thần Tự Do uy nghi, kiêu hãnh trên hòn đảo Tự Do (Liberty Island) của nước Mỹ. Khu Manhattan với những tòa nhà chọc trời, ngược mắt trông lên, cảm thấy mình nhỏ bé. Khách du lịch ngỡ ngàng nhìn ngó khắp nơi, thán phục nước Mỹ tự do có tượng thần Tự Do.

Theo dòng người, tôi bắt đầu từ Battery Park, quẹo vào Castle Clinton, xưa là pháo đài chống quân Anh, nay là nơi bán vé ferry (phà). Qua cửa Castle là ra bờ biển đợi phà. Xa xa, nhìn thấy tượng thần giơ cao ngọn đuốc Tự Do trên làn sóng nhấp nhô của Đại Tây Dương bát ngát.

Tượng thần Tự Do là thần tượng của di dân tứ xứ, người mất tự do trên trái đất này tìm tới nước Mỹ tị nạn. Ai cũng biết tượng thần Tự Do với tên Statue of Liberty, dễ nhớ, không dài như tên nguyên thủy là Liberty Enlightening the World. Thời gian chờ đợi xuống phà, đây đó vài người thăm lặng suy tư. Đó là những người mới tới Mỹ. Ngồi bên gốc cây, gió hiu hiu, xào xạc lá, tôi nhìn ra đại dương bao la nhớ lại mảnh đời dĩ vãng.

*

Tôi lớn lên tại Hà Nội, được ăn học đầy đủ trước khi khôn lớn. Năm 14 tuổi, tôi học trường Văn Hóa, ngôi trường định mệnh, sát Hỏa Lò, góc phố Hàng Bông Thợ Nhuộm. Thầy dạy Anh văn, ông Nguyễn Khang, có dáng tài tử xi nê hơn là thầy giáo, ngoài dạy học còn làm ở phòng Thông tin Mỹ, phố Tràng Tiền. Năm 1953, phó tổng thống Mỹ Richard Nixon sang thăm Hà Nội, đã đến thăm trường tôi do thầy Khang mời. Ngồi bàn đầu và là học sinh giỏi, thầy bảo tôi đại diện lớp. Sau khi bắt tay trả lời ông Nixon "I am fine, thank you", thầy vui, ông Nixon hài lòng, tôi được nhận quà tặng là một post card tượng thần Tự Do. Sau này vì tấm post card, tôi bị vào xà lim số 8 Hỏa Lò Hà Nội, dù chẳng ai biết ông Nixon đã tặng tôi. Tôi đã tìm được tự do sau 28 năm đọa đày từ khi đất nước chia đôi, khi bức màn tre che kín miền Bắc, tâm tối âm u.



Cha tôi làm chủ một hãng thầu tại Hải phòng trong khi gia đình vẫn ở Hà Nội. Khi người lính quốc gia cuối cùng rút sang bên kia bờ Bến Hải, cha tôi và gia đình kẹt lại do không hiểu gì về cộng sản và tài sản, cơ ngơi còn đó. Đỗ Mười về tiếp thu Hải phòng nói rằng các nhà tư sản vẫn được làm ăn bình thường. Một tháng sau, cha tôi bị tịch thu tài sản. Trở về Hà Nội, trắng tay, cả nhà sống trong túp lều ở ngoại ô, cha tôi đi đánh giậm, vớt tôm tép trong các ao hồ, rau cháo nuôi vợ con. Đấu tố, cải tạo, chửi rửa, cha tôi ngày một tiêu tụy hơn những người tiêu tụy bị quì là tư sản còn lại trong thành phố. Lờn trần trối khi cha tôi nằm xuống là "Cha đã bị lừa, con hãy tìm đường vào miền Nam tự do".



17 tuổi tôi đi tìm tự do, bị bắt. Chiếc thuyền vượt tuyến giạt vào bờ bắc vĩ tuyến 17. Trải qua 11 trại giam, tôi bị giong về Hỏa Lò Hà Nội, trong xà lim số 8, mỗi xà lim giam một người. Văn nghệ sĩ Nhân Văn-Giai Phẩm chạt cứng 4 dây xà lim. Biệt giam, tra hỏi, ép cung, làm sao tôi trả lời được những câu hỏi về chính trị lúc tôi còn nhỏ!

Từ trường học sang Hỏa Lò, tôi chỉ còn nung nấu trong đầu hai tiếng Tự Do. Tôi sẽ đi tìm Tự Do suốt cuộc đời này! Từ đó tôi mang cái "mác": Trốn vào Nam theo địch, rồi dần dần thêm từng dòng "Âm mưu lật đổ chính quyền, phản động, làm tay sai CIA". Lý lịch như vậy, sống trong thời điểm khốc liệt nhất của cộng sản Việt Nam, đời tôi còn quãng dài oan nghiệt. Tôi đã lên rừng, xuống biển, sang biên giới Việt Lào, vào miền trung để vượt tuyến vào Nam. Những tháng năm tù tội làm tôi hiểu cận kề về cộng sản. Điều cha tôi đau khổ nói trước khi chết "Cha đã bị lừa..." nay tôi mới hiểu hết. Năm 1981, tôi

vượt biển lần thứ hai, bằng thuyền buồm đánh cá của một gia đình nghề chài, đi từ Hải phòng tới HongKong sau 26 ngày sóng gió. Định cư tại Mỹ năm 1982, tôi đã tìm thấy Tự Do.

Mãi suy tư nên lỡ chuyến ferry, phải đợi thêm nửa giờ, chuyến tới. Tôi không bận tâm vì chờ đợi, tôi đã đợi chờ gần nửa đời người, ba mươi phút chỉ là khoảnh khắc. Sầu tủi đã trôi đi, chỉ còn vui tươi, hạnh phúc. Tôi còn có thể đợi chờ ngày vui tươi, hạnh phúc trên quê hương không còn cộng sản.

*

Xuống ferry (phà), mũi tàu chiếu thẳng Liberty Island, mười phút, nhìn phía sau, khu Manhattan lộ nhô nhà chọc trời mờ dần trong nắng chiều New York, trời xanh lơ không một bóng mây mù. Xa xa, những con tàu lướt sóng, những cánh buồm nhiều màu sắc đua đưa khiến tôi, trong giây phút, liên tưởng đến hàng trăm tàu thuyền tới cảng, một ngày tị nạn của người Việt Nam. Trên ferry người người, tay bắt tay, chào hỏi nhau, mặt rạng rỡ niềm tin, nụ cười chia sẻ. Người ta nói với nhau bằng nhiều thứ tiếng, hiểu nhau bằng chỉ trỏ.

Những con hải âu bay lượn quanh phà, mấy em bé ngậy thơ tung mẩu bánh mì cho chim sà xuống, đôi cánh trắng vẫy chào. Phà vào bến, tôi bước lên bờ, thêm kích thích vì cảnh tượng trên đảo. Trước hết là tượng thần Tự Do cao lừng lừng trên một building tức là phần bệ đá. Người xếp hàng thành hai cánh cung bao bọc cột cờ, dựng trên sân gạch hình tròn.

Theo mũi tên và đường dây căng, mất thêm ba phút mới vào được tới bệ, rồi vào khu bảo tàng, giới thiệu công trình trùng tu năm 1980, kiến trúc và lịch sử tượng thần Tự Do. Cô gái Á đông xinh đẹp, tươi cười chào mọi người và kể chuyện. Tôi dừng lại đây lâu hơn một chút, không hiểu hết những gì cô nói, nhưng nhìn sơ đồ, thống kê tài liệu, biết được nhiều điều về pho tượng hình phụ nữ mặc áo choàng này.

Tượng thần Tự Do hoàn thành năm 1876, do nhà điêu khắc Frederic Auguste Bartholdi tạo hình, cùng kỹ sư Alexandre Gustave Eiffel thiết kế, xây dựng, là món quà của người Pháp tặng nước Mỹ. Tính từ mặt đất, tượng cao 305 feet (92,99 m), riêng thân tượng cao 151feet (46,50 m). Bên trong có hai lối lên đỉnh tượng: cầu thang máy lên hết phần bệ đá, cho người già hoặc ai không thích leo từng bậc thang (192 bậc). Còn leo từ đầu, cả thảy 354 bậc thang xoắn ốc. Đầu tượng đội chiếc nón có 7 cánh nhọn xòe ra, tượng trưng cho biển và lục địa (thời đó chưa biết 5 châu, bốn biển, mới có 7). Vành nón có 25 cửa sổ, đại diện cho 25 viên kim cương quý tìm được trên trái đất. Tay mặt thần giơ cao ngọn đuốc, đêm đêm rực sáng, tay trái giữ tấm bảng trông như quyển sách ghi chữ số La Mã: "July 4th, 1776", ngày thành lập Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, ta quen gọi là Mỹ.

Rất ít người dùng thang máy, đa số leo thang bậc lên tới vành nón, chặng cuối của hành trình. Tôi thận trọng bước lên bậc thang thứ nhất, lòng hân hoan khó tả. Mỗi bước leo lên vòng thang xoắn ốc, tới khoảng giữa thân tượng, cảm thấy như vào động tiên. Ánh đèn mờ ảo phản chiếu bộ khung sắt chằng chịt, đủ sáng cho ta leo lên, càng cao, phần tượng nhỏ dần vì sắp tới đầu. Bậc thang chỉ vừa một người nên không chen lấn. Trên tôi là cô gái gốc Poland (Balan), tóc vàng óng ánh, người sau tôi là đàn bà Phi châu, trang sức, váy chùng sặc sỡ. Chỉ có tiếng rì rầm vọng từ vách tượng như tiếng kinh cầu bí ẩn. Dòng người lên, xuống như đàn kiến vòng vèo, êm ả trong không khí dịu mát của máy điều hòa nhiệt độ.

Từ cửa sổ vành nón tượng thần, tôi nhìn ra cánh tay thần Tự Do giơ cao ngọn đuốc soi sáng tinh thần Tự Do cho nhân loại, và rồi nhìn ra Đại tây Dương, nghìn trùng xa cách, nửa vòng trái đất là nước Việt Nam của tôi chưa có Tự Do.

Chuyến phà về, trở lại Manhattan, trời chiều lảng dịu. Trên phà cũng lảng dịu tiếng người như để tận hưởng một ngày ý nghĩa trong đời là đến tượng thần Tự Do, ghi lại bằng nhiều tấm hình kỷ niệm.

Người trèo lên đỉnh núi Himalaya hoặc theo khí cầu bay vòng quanh thế giới để lập một kỷ lục, tôi leo lên đỉnh tượng thần Tự Do để trọn vẹn một ước mơ từ nhỏ. Hòa nhập vào dòng người New York, tôi đi nốt quãng đời yên vui còn lại của một người đi tìm Tự Do, tìm được Tự Do trên đất Mỹ.